

Bản án số: **44/2023/DS-ST**

Ngày: 28 – 6 – 2023.

V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp hụi
và Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Phong.

Ông Huỳnh Tấn Phát.

- **Thư ký phiên Tòa:** Ông Phạm Quốc Duy – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2023/TLST – DS ngày 08 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi và Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Chị Nguyễn Thị Kiều D**, sinh năm 1970 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của chị D: **Anh Trần Chí T**, sinh năm 1981, địa chỉ: ấp T, xã P, huyện D, tỉnh Bến Tre. (Văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 02 năm 2023) (anh Tr có mặt).

- **Bị đơn:** **Bà Hồ Thị L**, sinh năm 1965 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 20/6/2023.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 21/02/2023, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều D do anh Trần Chí T là đại diện theo ủy quyền trình bày:*

+ Nợ hui:

Nguyên từ năm 2020 đến năm 2022 do có quan hệ quen biết, tin tưởng lẫn nhau nên chị D có tham gia chơi hui với bà L, với vai trò là hui viên, bà L là chủ hui. Đến tháng 11 năm 2022 (âm lịch) bà L tuyên bố bế hui, đồng thời ngừng tất cả các hoạt động giao dịch về hui. Khi bà L tuyên bố bế hui, bà L còn nợ chị D tổng số tiền là 188.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tám mươi tám triệu đồng). Cụ thể gồm:

- **Dây hui thứ 1:** Hui 2.000.000 đồng, khai ngày 15/8/2021, gồm 25 hui viên, chị D mua 01 phần 25.000.000 đồng, tham gia chơi 01 phần, đóng được 10 phần số tiền 20.000.000 đồng. Khi bế hui bà L còn nợ: 45.000.000 đồng.

- **Dây hui thứ 2:** Hui 1.000.000 đồng, khai ngày 05/01/2021, gồm 30 hui viên, chị D tham gia chơi 01 phần. Khi bế hui bà L còn nợ: 18 phần hui chết x 1.000.000đ = 18.000.000 đồng.

- **Dây hui thứ 3:** Hui 2.000.000 đồng, khai ngày 30/6/2021, gồm 21 hui viên, chị D tham gia chơi 01 phần. Khi bế hui bà L còn nợ: 12 phần hui chết x 2.000.000đ = 24.000.000 đồng.

- **Dây hui thứ 4:** Hui 2.000.000 đồng, khai ngày 10/9/2021, gồm 23 hui viên, chị D tham gia chơi 01 phần. Khi bế hui bà L còn nợ: 09 phần hui chết x 2.000.000đ = 18.000.000 đồng.

- **Dây hui thứ 5:** Hui 2.000.000 đồng, khai ngày 30/12/2021, gồm 24 hui viên, chị D tham gia chơi 02 phần. Khi bế hui bà L còn nợ: 02 phần x 06 phần hui chết x 2.000.000đ = 24.000.000 đồng.

- **Dây hui thứ 6:** Hui 2.000.000 đồng, khai ngày 25/10/2021, gồm 24 hui viên, chị D tham gia chơi 03 phần. Khi bế hui bà L còn nợ: 03 phần x 08 phần hui chết x 2.000.000đ = 48.000.000 đồng.

Tổng cộng: 06 dây hui nợ 177.000.000 đồng. Ngoài ra, lúc trước bà L giao hui còn thiếu lại: 11.000.000 đồng. Nên tổng cộng tiền hui là: 188.000.000 đồng.

+ Nợ tiền vay:

- Trong tháng 10 năm 2021 chị D có cho bà L vay nhiều lần với số tiền là 45.000.000 đồng, sau đó bà L đã trả được 15.000.000 đồng, nên hiện còn nợ: 30.000.000 đồng.

- Tổng cộng nợ hui và nợ vay là: 218.000.000 đồng.

Tiền lãi chậm trả tạm tính là 10 tháng của 02 phần nợ (tính từ ngày 01/7/2022 đến ngày 30/5/2023): $218.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 10 \text{ tháng} = 18.094.000 \text{ đồng}$.

- Như vậy, vốn gốc và lãi yêu cầu bà Hồ Thị L và ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên đới trả cho chị D là: 236.094.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm ba mươi sáu triệu, không trăm chín mươi bốn triệu đồng).

Tuy nhiên, hai bên thống nhất chốt nợ lại là: 131.500.000 đồng. Trong đó:

+ Tiền nợ hui là: 101.500.000 đồng.

+ Tiền nợ vay là: 30.000.000 đồng.

Vì vậy, chị D khởi kiện yêu cầu bà Hồ Thị L và ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên đới trả cho chị là: 131.500.000 đồng (Một trăm ba mươi một triệu, năm trăm nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên Tòa: Chị D vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, không thay đổi gì.

** Tại bản tự khai ngày 20/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Hồ Thị L trình bày:*

Các phần hui nguyên đơn trình bày bà thống nhất, nhưng thực chất nguyên đơn không có trực tiếp đóng tiền hui sống mà lấy tiền lãi của khoản tiền vay 45.000.000 đồng để đóng cho các khoản chơi hui này (lãi của khoản vay là 6% mỗi tháng). Theo bà tính toán số tiền mà bà đóng hui cho chị D là 101.500.000 đồng và số tiền vay còn lại là 30.000.000 đồng, bà cũng không có giấy tờ gì để chứng minh cho việc cần trừ khoản lãi vay này, cũng như chứng minh có đóng lãi 6%/tháng cho chị D. Các dây hui của bà đều ngưng hui từ ngày 25/11/2022 (âm lịch) cho đến nay.

Hiện nay bà còn nợ chị D số tiền hui 101.500.000 đồng và tiền nợ vay là 30.000.000 đồng, tổng cộng là 131.500.000 đồng. Bà xin trả dần mỗi tháng 02 triệu đồng cho đến khi hoàn tất số tiền 131.500.000 đồng, vì hiện giờ không có khả năng.

Mục đích chơi hui và vay tiền: để lo kinh tế gia đình và vay tiền choàng hui, chứ bà không cờ bạc hay tiêu xài cá nhân. Ông T chồng bà không có tham gia cùng với bà làm chủ hui. Số tiền nợ nêu trên bà tự gây nợ, bà tự chịu nên không đồng ý liên đới cùng ông T trả số nợ nêu trên.

** Tại bản tự khai ngày 20/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Về số tiền nợ hui và nợ vay giữa bà L với chị D thì ông không rành, ông có thấy vợ ông làm chủ hui nhưng ông không có tham gia vào; việc nợ ai, số tiền nợ bao nhiêu, chơi ra sao ông cũng không biết. Bà L làm chủ hui, chơi hui như thế nào không có bàn bạc, không thông qua ý kiến của ông. Đến khi sự việc bể hui, các hui viên đến nhà đòi thì lúc đó ông mới biết.

Qua yêu cầu khởi kiện của chị D buộc ông có trách nhiệm liên đới với bà L để trả nợ là ông không đồng ý.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:*

- Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc bà L và ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị D số tiền nợ hui và nợ vay là 131.500.000 đồng, trong đó tiền nợ hui 101.500.000 đồng, nợ vay 30.000.000 đồng và ghi nhận chị D không yêu cầu tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông là phù hợp quy định tại **khoản 1 Điều 228** của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Từ năm 2020-2022 chị D có tham gia chơi hui do bà L làm chủ hui và có cho bà L vay tiền, tổng cộng nợ hui và nợ vay bà L còn nợ chị D là 131.500.000 đồng cho đến nay vẫn chưa trả. Nay chị D khởi kiện yêu cầu bà L cùng chồng là ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị số tiền nợ hui và nợ vay là 131.500.000 đồng. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng góp hui và Hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại **Điều 471, 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26** của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Giấy xác nhận ngày 20/02/2023 và ngày 21/02/2023 của Công an xã Định Trung, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xác nhận bà Hồ Thị L và ông Nguyễn Văn T có đăng ký thường trú và hiện còn đang sinh sống tại ấp 2 Cả Nhỏ, xã Định Trung, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào **điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39** của Bộ luật tố tụng dân sự, **vụ án** thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

** Về nội dung:*

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị D buộc bà L và ông T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hui và nợ vay 131.500.000 đồng và không tính lãi suất.

Cơ sở chứng cứ:

+ Giấy hội khui ngày 15/8/2021.

+ Hợp đồng mượn tiền ghi các ngày 13, 24, 27/10/2021.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của nguyên đơn và bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, đều xác định được giữa chị D và bà L có giao dịch chơi hội với nhau, theo đó chị D có tham gia chơi 06 dây hội do bà L làm chủ hội, hàng tháng chị D thực hiện nghĩa vụ đóng hội cho bà L đầy đủ nhưng do các dây hội đều bị ngưng giữa chừng vào ngày 25/11/2022 (âm lịch), mà những phần hội của chị D chơi đều là hội sống, nên số tiền hội bà L nợ lại chị D sau khi kết nợ lại của 06 dây hội là 101.500.000 đồng đến nay chưa trả.

Ngoài ra, vào tháng 10 năm 2021 bà L có hỏi vay chị D nhiều lần với số tiền tổng cộng lại là 45.000.000 đồng, sau đó bà L đã trả được 15.000.000 đồng, nên hiện còn nợ: 30.000.000 đồng. Tổng cộng tiền nợ hội và nợ vay là 131.500.000 đồng.

Bà L thừa nhận có giao dịch chơi hội và vay tiền như chị D trình bày là đúng và sau khi hai bên kết nợ lại, hiện bà L còn nợ chị D là 131.500.000 đồng. Lời thừa nhận này là tự nguyện, phù hợp với lời khai của nguyên đơn và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án, cụ thể là giấy hội; Hợp đồng mượn tiền; đều được bà L thừa nhận chữ ký trong các giấy hội, vay tiền là do bà ký tên. Căn cứ **vào khoản 2 Điều 92** của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây **là tình tiết, sự kiện** không phải chứng minh và công nhận sự thật nêu trên.

Nay bà L làm chủ hội nhưng chưa thanh toán đầy đủ cho phía chị D số tiền hội mà chị đã đóng khi tuyên bố bế hội, là vi phạm nghĩa vụ của người chủ hội theo quy định tại Điều 23 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường. Đối với nợ vay, **qua hợp** đồng vay thấy rằng, bà L đã sử dụng hết quyền nhận tài sản, nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả vốn đầy đủ cho chị D, nên chị D khởi kiện yêu cầu bà L trả nợ vay là có cơ sở và phù hợp với quy định tại **Điều 463, 466** của Bộ luật dân sự năm 2015, nên yêu cầu khởi kiện của chị D là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về lãi suất:

Chị D chỉ yêu cầu trả vốn và không yêu cầu trả lãi suất. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của chị và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện bà L không có yêu cầu tính lại lãi suất đã đóng cho chị D, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6]. Xét yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả nợ:
Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ theo Giấy kết hôn giữa bà L và ông T thể hiện ông bà có đăng ký kết hôn vào năm **2002** nên bà L và ông T là vợ chồng hợp pháp, hiện vẫn sống và sinh hoạt chung gia đình với nhau. Đồng thời mục đích bà L làm chủ hội, vay tiền để lo kinh tế gia đình, chứ không cờ bạc hay tiêu xài cá nhân và nợ chung này **phát sinh trong thời kỳ** hôn nhân, nên buộc ông T có nghĩa vụ liên đới trả nợ là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 27, 30, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Xét yêu cầu xin trả dần của bà L:

Bà L xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đối với số tiền nợ 131.500.000 đồng, vì hiện giờ bà không có khả năng. *Hội đồng xét xử xét thấy*, đây là sự thỏa thuận của các đương sự tại giai đoạn thi hành án, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[8]. Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại về quan điểm giải quyết vụ án: phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; **khoản 2 Điều 26** của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của chị D được chấp nhận toàn bộ, nên bà L và ông T phải liên đới chịu án phí của số tiền 131.500.000 đồng là:

$$131.500.000 \text{ đồng} \times 5\% = 6.575.000 \text{ đồng.}$$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 27, 30, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; **khoản 1 Điều 228**; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 23 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biê, phườg.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều D đối với bà Hồ Thị L và ông Nguyễn Văn T về việc “*Tranh chấp Hợp đồng góp hụi và Hợp đồng vay tài sản*”.

2. Buộc bà Hồ Thị L và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Kiều D số tiền nợ hui và nợ vay là 131.500.000 đồng (Một trăm ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng). Trong đó: Tiền nợ hui: 101.500.000 đồng (Một trăm lẻ một triệu năm trăm nghìn đồng), nợ vay: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Kiều D không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nêu trên.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu

thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

5.1. Bà Hồ Thị L và ông Nguyễn Văn T phải có **nghĩa vụ** liên đới chịu là 6.575.000 đồng (Sáu triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

5.2. **Chị Nguyễn Thị Kiều D** được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **4.700.000 đồng** (Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004864 ngày 05 tháng 5 năm 2023 và số tiền **1.202.000 đồng** (Một triệu hai trăm lẻ hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005006 ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên